

Tập 36

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi sáu:

(Sớ) Kim sanh đa sanh giả, sanh sanh đọa lạc, vô hữu cùng dĩ dã. Nhất ngộ, bách ngộ giả, thử sanh tha quá, đa kiếp nan phùng dã. Nhập khổ thú, tự dăng thư ốc u xí trung. Phó tử môn, loại nguư dương tự hồ đồ tứ, mạc vị cứu bạt, vô khả quy bằng, khởi bất ai tai?

(疏)今生多生者，生生墮落，無有窮已也。一誤百誤者，此生磋過，多劫難逢也。入苦趣，似蠅蛆飫於廁中。赴死門，類牛羊就乎屠肆。莫為救拔，無可歸憑，豈不哀哉。

(Sớ): “Đời này, nhiều đời”: Đời đời đọa lạc chẳng có cùng tận. “Một làm, trăm làm” là đời này bỏ lỡ, nhiều kiếp khó gặp. Vào ngõ nhỏ, đường như giới tửa no ú trong nhà xí; vào cửa tử giống như trâu, dễ bước vào lò mổ, chẳng được cứu vớt, không chỗ nương về, há chẳng đau buồn ư?)

Đoạn này dễ hiểu, nói rõ đời này và nhiều đời đã làm lạc mà vẫn làm lạc.

Tứ, thuật ý.

四、述意。

(Bốn, nêu bày dụng ý [viết Sớ Sao]).

Đoạn này là Liên Trì đại sư tự trình bày dụng ý vì sao Ngài chú giải kinh Di Đà.

(Tự) Châu Hoằng.

(序) 株宏。

(Tựa: Châu Hoằng).

Hai chữ Châu Hoảng là pháp danh của đại sư. Phàm tự xưng, bất luận trong khi nói hoặc trong khi viết, đều nên dùng lối khiêm hư. Khiêm hư nhất là xưng danh, tự khiêm; người khác gọi Ngài sẽ chẳng thể gọi thẳng tên, gọi thẳng tên là thiếu cung kính nhất. Đó là lễ nghi thời cổ. Con người hiện thời gặp mặt bèn gọi tên, còn gọi đủ cả tên lẫn họ. Trong thời cổ, điều này nhất định không thể được! Kẻ phạm tội mới gọi cả tên lẫn họ. Bình thường kêu tên chỉ có hai hạng người có thể kêu, thứ nhất là cha mẹ, thứ hai là thầy. Người khác gọi chúng ta thì sao? Gọi tên tự. Khách sáo hơn thì gọi tên hiệu, chúng ta gọi Ngài là Liên Trì đại sư.

Liên Trì là hiệu của Ngài, tôn kính Ngài [thì gọi bằng tên hiệu]. Chắc chắn Ngài chẳng thể tự xưng là Liên Trì, do trong quá khứ khiêm hư. Trước kia, ngay cả đế vương đối với bầy tôi cũng phải gọi tên tự của họ, cũng chẳng thể gọi tên thật! Nếu [bị vua chúa] gọi thẳng tên, tức là [kẻ bầy tôi ấy] đã phạm tội.

(Tự) Mạt pháp hạ phàm.

(序) 末法下凡。

(Tựa: Là phàm phu hạ căn đời Mạt Pháp).

Ngài sanh trong thời đại Mạt Pháp. Pháp vận của Phật gồm ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp. [Pháp vận của] mỗi vị Phật đều có ba thời kỳ, nhưng ba thời kỳ ấy dài ngắn không nhất định. Một mặt là do nguyên lực của từng vị Phật, mặt khác là do quả báo của chúng sanh. Chúng sanh có phước, pháp vận của Phật sẽ dài. Chúng sanh chẳng có phước báo, pháp vận của Phật bèn ngắn ngủi. Đây là cách nói thông thường. Chánh Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật – nói “*Chánh Pháp*” là kể từ sau khi đức Phật diệt độ – khoảng cách còn chưa xa, di giáo và giáo pháp thời đức Phật tại thế chẳng khác nhau, hết sức thuần chánh. Chúng ta gọi thời kỳ ấy là Chánh Pháp. Đến thời Tượng Pháp, thời gian ấy cách lúc Phật diệt độ đã xa, có kinh nói là một ngàn, có kinh nói là do phụ nữ xuất gia, Chánh Pháp bị giảm thiểu năm trăm năm, Chánh Pháp chỉ còn năm trăm năm. Chúng tôi cũng không bàn luận điều này, bất luận là năm trăm năm cũng được, mà một ngàn năm cũng xong, nói chung, chúng ta nay đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp.

Tượng Pháp là một ngàn năm, tức là một ngàn năm thứ hai sau khi đức Phật diệt độ, cách Phật đã xa. Pháp càng lưu truyền càng sai ngoa, truyền lâu ngày đã bị biến chất, đây là đạo lý nhất định. Vì truyền lâu

ngày, có nhiều ý kiến của người khác xen vào, chẳng thuần nữa. Tuy chẳng thuần, vẫn tương tự, vẫn giống. Đến thời kỳ Mạt Pháp, sau khi Phật diệt độ đã hai ngàn năm, tức là một ngàn năm thứ ba. Thời kỳ ấy gọi là Mạt Pháp. Mạt Pháp dài một vạn năm. Do vậy, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng là một vạn hai ngàn năm. Thời kỳ Mạt Pháp cách Phật càng xa. Nói cách khác, so với Tượng Pháp càng sai khác hơn nhiều.

Chiếu theo sách vở Trung Quốc ghi chép từ xưa đến nay, kể từ Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ mười hai năm. Trong Hư vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ có khảo chứng, dựa theo những ghi chép xa xưa của Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất sanh nhằm năm Giáp Dần (1027 trước Công Nguyên) đời Châu Chiêu Vương, tính từ niên đại ấy, Thích Ca Mâu Ni diệt độ cách hiện tại ba ngàn lẻ mười hai năm¹.

(Diễn) Mạt Pháp đối Chánh Tượng ngôn.

(演) 末法對正像言。

(Diễn: Mạt Pháp là đối với Chánh Pháp và Tượng Pháp mà nói).

Đối ứng với Chánh Pháp và Tượng Pháp để nói.

(Diễn) Chánh giả, chứng dã. Dĩ Hiện Lượng Trí, chứng Thật Tướng Lý, sơ nhất thiên niên, hữu giáo hành lý quả, cố viết Chánh dã.

(演) 正者，證也，以現量智，證實相理。初一千年，

有教行理果，故曰正也。

(Diễn: Chánh là chứng. Dùng Hiện Lượng Trí để chứng Thật Tướng Lý, trong một ngàn năm thứ nhất có giáo, hành, lý, quả, nên nói là Chánh).

Phật pháp hết sức viên mãn, hết sức đầy đủ, có giáo pháp, hành pháp, lý pháp và quả pháp. Trong thời đại Chánh Pháp, người chiểu theo Phật pháp tu hành chứng quả hết sức nhiều. Hiện Lượng Trí là gì? Hiện Lượng là đối với Tỷ Lượng mà nói. Hiện Lượng là hiện tiền, tức là trí huệ do ta đích thân chứng được. Trí huệ chân thật chứng đắc lý Như

¹ Hòa Thượng giảng bộ Sớ Sao này vào năm 1984-1985.

Như² của vũ trụ và nhân sinh, hiện thời gọi là “chân lý”; trong Phật pháp gọi [chân lý ấy] là Thật Tướng. Thật Tướng là tướng chân thật. Nay chúng ta thấy hết thấy tướng chẳng phải là tướng chân thật, mà là tướng hư vọng. Tướng chân thật rốt ráo là như thế nào? Nói xuyên suốt thì tướng chân thật và tướng hư vọng không khác nhau, là một. Đã là một, vì sao có chân và vọng? Nếu chúng ta dùng chân tâm, sẽ thấy cảnh giới hiện tại là tướng chân thật. Nếu dùng vọng tâm, sẽ thấy cảnh giới bên ngoài là tướng hư vọng. Tướng chuyển theo tâm, đạo lý là như vậy đó. Chân tâm là tâm chẳng sanh chẳng diệt. Tâm có sanh và diệt là vọng tâm. Trong vọng tâm có sanh diệt. Chân tâm và vọng tâm chúng ta đều có đủ; không có chân, làm sao có vọng? Vọng do chân mà khởi. Chân tâm là cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Nay chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật cầu nhất tâm bất loạn; nhất tâm bất loạn là chân tâm của chính mình. Chân tâm của chúng ta chẳng thể hiện tiền, vì sao? Vọng niệm quá nhiều! Vọng niệm quá nhiều thì gọi là vọng tâm. Do vậy, pháp môn Niệm Phật nhằm khôi phục chân tâm của chúng ta. Nếu chúng ta khôi phục chân tâm, quý vị sẽ thấy cảnh giới trước mắt là Thật Tướng.

Thật Tướng rốt ráo là như thế nào? Thật Tướng: Tướng bên ngoài cũng bất sanh, bất diệt, mâu nhiệm đến cùng cực! Quý vị nói: Tôi không tin tướng! Rành rành là có sanh diệt, sao lại nói bất sanh, bất diệt? Thưa quý vị, bất sanh bất diệt là thật, sanh diệt là giả! Do tâm quý vị sanh diệt, quý vị thấy tướng bên ngoài là tướng sanh diệt. Nếu tâm quý vị chẳng sanh diệt, sẽ thấy tướng bên ngoài là tướng chẳng sanh diệt. Đây rốt ráo chẳng phải là cảnh giới hiện tiền của chúng ta, chúng ta không có cách nào lý giải được! Nhưng chúng ta có thể dùng tỷ dụ để giảng rõ. Không thể tỷ dụ khít khao được, chỉ có thể dựa theo tỷ dụ để suy tưởng. Ví như chúng ta dùng một tấm gương để soi cảnh giới bên ngoài, tấm gương bất sanh bất diệt, những tướng hiện bóng trong gương cũng bất sanh bất diệt. Điều này dễ hiểu. Nếu chúng ta dùng máy chiếu phim [để tỷ dụ] thì ống kính đóng mở, đóng mở là nó có sanh diệt, chiếu tướng cảnh giới bên ngoài, tướng ấy cũng là tướng sanh diệt. Quý vị thấy cuộn phim gồm nhiều tấm. Nay chúng ta dùng cái tâm vọng tưởng, cái tâm suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Đông nghĩ Tây giống như ống kính của máy chụp

² Như Như có nghĩa là các pháp đều bình đẳng, không hai. Như là tên gọi khác của Lý, tức bản thể bất biến, bình đẳng, hoàn toàn vượt khỏi đối đãi, so lường, nên gọi là Như. Do pháp nào cũng đều là Như, nên gọi là Như Như (thường được diễn tả bằng câu: “*Do cái này Như nên cái kia Như*”), nhằm nhấn mạnh ý nghĩa vạn pháp bình đẳng, vô sai biệt.

hình đóng mở không ngừng. Do vậy, thấy tướng cảnh giới bên ngoài là tướng sanh diệt. Tâm chúng ta không thể giống như tấm gương, khi nào chúng ta đắc nhất tâm bất loạn, trong Duy Thức gọi nhất tâm bất loạn là Đại Viên Kính Trí. “Viên” (圓) là viên mãn, “đại” (大) là rộng lớn, [Đại Viên Kính là] giống như một tấm gương [rộng lớn]. Gương chẳng có sanh diệt, soi tỏ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thấy muôn tướng cũng là bất sanh bất diệt. Đạt đến cảnh giới ấy, trong kinh Phật thường bảo là quý vị đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. “Pháp” (法) là hết thấy vạn pháp, “Vô Sanh” (無生) là hết thấy vạn pháp bất sanh, bất diệt, “Nhẫn” (忍) là đồng ý, thừa nhận. Tôi tự mình thấy, đức Phật nói bất sanh, bất diệt, tôi đồng ý, tôi thừa nhận. Vậy là cảnh giới của quý vị và cảnh giới của Phật chẳng khác! Đã chẳng khác thì quý vị cũng thành Phật, cảnh giới Phật đấy nhé! Quý vị đạt đến cảnh giới ấy sẽ gọi là “thành Phật”. Nay chúng ta tu pháp môn này tức là tu pháp môn thành Phật. Đây là nói “*Hiện Lượng Trí chứng Thật Tướng Lý*”, Lý (理) là chân lý.

(Diễn) Tượng giả, tự dã.

(演) 像者，似也。

(Diễn: Tượng là tương tự).

Đây chẳng phải là chân thật, chỉ tương tự.

(Diễn) Dĩ Tỷ Lượng Trí, y hy kiến đạo, phảng phất, bất chân. Đệ nhị thiên niên, hữu giáo, hành, lý, nhi vô quả chứng, cố viết Tượng dã.

(演) 以比量智，依稀見道，彷彿不真。第二千年，有教行理，而無果證，故曰像也。

(Diễn: Dùng Tỷ Lượng Trí [để lãnh hội Phật pháp], thấy đạo ít ỏi, [Phật pháp trong thời này] hơi giống [với thời Chánh Pháp], chứ không thật. Trong một ngàn năm thứ hai, có giáo, hành, lý, nhưng không có chứng quả, cho nên gọi là Tượng).

Thời đại Tượng Pháp là một ngàn năm thứ hai [sau khi đức Phật diệt độ]. Người chứng quả ít ỏi, có tu hành, nhưng không có cách nào

chứng quả. Quả được nói ở đây thông thường là nói tới Tứ Quả La Hán. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả còn có thể chứng đắc, nhưng không có ai chứng được Tứ Quả La Hán. Đây là trong thời Tượng Pháp. Thời Chánh Pháp, người chứng A La Hán rất nhiều. Thời Tượng Pháp, người chứng A La Hán rất ít. Do vậy, trong thời Tượng Pháp, chúng ta thấy có Tam Quả thánh nhân, rất ít thấy Tứ Quả La Hán. Trừ những bậc tái lai ra, người thật sự tu hành mong chứng quả A La Hán chẳng dễ dàng đâu nhé!

(Diễn) Mạt Pháp tắc không đặng tự lượng³, duy thượng đầu tranh, đồ hữu giáo lý, nhi vô hành quả, cố viết Mạt dã.

(演)末法則空騰似量，唯尚鬥爭，徒有教理而無行果

· 故曰末也。

(Diễn: Mạt Pháp thì tung bùng so đo bằng tri kiến lệch lạc của chính mình, chỉ chuộng tranh chấp, chỉ có giáo lý, nhưng không có người hành và chứng quả, nên gọi là Mạt).

Mạt Pháp là thời đại hiện tại. Chiếu theo cách nói của Trung Quốc, hiện thời là một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ ba ngàn lẻ mười hai năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp đã hơn một ngàn năm, chúng ta thuộc một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Liên Trì đại sư cách chúng ta năm trăm năm. Năm trăm trước đây, Ngài là người sống vào cuối đời Minh. Khi ấy đã là thời Mạt Pháp, nói cách khác, đã từng là thời “đấu tranh kiên cố”. Tuy là đấu tranh kiên cố, nhưng so với hiện tại, vẫn tốt hơn rất nhiều. Trong thời ấy, tự viện, tùng lâm còn có mấy trăm người cùng tu. Trong tự viện hiện thời, hai người ở với nhau đã tranh chấp, đấu tranh kiên cố. Do vậy, chẳng những cảnh giới Hiện Lượng không có, mà ngay cả Tỷ Lượng cũng chẳng thể bàn tới.

³ Tự Lượng là cách so sánh để nhận hiểu sự vật dựa trên kiến giải chủ quan của chính mình. Do nó không thuộc ba thứ Lượng (Hiện Lượng, Tỷ Lượng, và Thánh Ngôn Lượng) nên gọi là Tự Lượng (Tự là tương tự). Do Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng dựa trên chánh tri chánh kiến hoặc dựa trên trí huệ của thánh nhân (Phật, Bồ Tát, La Hán, Thanh Văn, Duyên Giác), nên chúng còn gọi là Chánh Lượng. “Không đặng” là bay vọt lên không. Do vậy, “không đặng tự lượng” có nghĩa là so sánh, lãnh hội mọi pháp bằng tà tri tà kiến, thiên kiến của chính mình, rồi lập ra đủ mọi thứ ý kiến, tranh chấp tung bùng.

Khoa học kỹ thuật phát đạt, thuật ấn loát tiên bộ, lưu thông kinh Phật tiện lợi hơn xưa kia rất nhiều. Thuở ấy, Liên Trì đại sư muốn đọc một bộ kinh, phải chép tay, chẳng có bản ấn loát. Hiện thời chúng ta chẳng cần phải tốn sức, chẳng cần phải chép kinh. Thuật ấn loát phát đạt có chỗ nào tốt đẹp hay chẳng? Có chỗ tốt đẹp, nhưng thói tệ càng lớn! Trước kia chúng ta không biết, chứ hiện thời biết rồi, có kinh điển nguy tạo, chú giải lệch lạc ý nghĩa kinh! Hiện thời có rất nhiều ngoại đạo dựa hơi Phật giáo, treo chiêu bài Phật giáo, nhưng bên trong là ngoại đạo, bảo thuyết của ngoại đạo là Phật giáo, thật ra, bên trong hoàn toàn chẳng phải là Phật giáo. Họ cũng đọc kinh Phật, tụng Kim Cang, Tâm Kinh, nhưng những lời chú giải toàn là nói nhăng, nói cuội, những thứ “kinh điển” ấy hiện thời được lưu thông rộng rãi. Vì sao chúng được lưu thông với số lượng lớn ngàn ấy? Tín đồ của họ đông dường ấy? Thật ra, những thứ đó toàn là yêu ma, quỷ quái. Yêu ma quỷ quái thông hiểu Tâm Lý Học, nắm được những nhược điểm trong tánh tình con người; bởi lẽ, con người luôn thích tiện nghi, khoái nhất là không phải tu mà vẫn chứng quả.

Lũ yêu ma quỷ quái ấy nói: “Được rồi! Tôi dạy quý vị niệm một bài chú, dạy quý vị pháp thuật, quý vị vừa học sẽ thành tựu; cách ấy nhanh chóng, chẳng cần phải đoạn Hoặc, quá thuận tiện!” Do vậy, đạo của chúng được lưu truyền rộng rãi.

Chánh pháp dạy quý vị theo quy củ, mà không có ai chịu tiếp nhận. Ở Trung Quốc là như vậy mà ở ngoại quốc lại càng là như vậy. Do vậy, chúng ta thấy trong thế gian này, mười phần hết bảy tám phần là ngoại đạo dựa hơi Phật giáo. Hiện tượng chẳng tốt đẹp này, nếu chiếu theo cổ thư Trung Quốc ghi chép, chính là điềm báo trước đại kiếp nạn. Sách Tả Truyện ghi: Nước nhà sắp mất, nhất định có yêu ma quỷ quái làm loạn. Những thứ ngoại đạo dựa dẫm Phật giáo đều là yêu ma quỷ quái, nhận định về yêu ma quỷ quái như thế nào? Sách Tả Truyện viết: “*Nhân khí thường, tắc yêu hưng*” (Con người vút bỏ lễ thường thì yêu quái nổi lên), “*thường*” là bình thường, đúng mực. Không đi theo đường lối đúng đắn, yêu ma quỷ quái bèn hiện tiền. Do vậy, yêu quái chẳng phải là mặt xanh, nanh chĩa! Thấy những thứ ấy quý vị hoảng hồn, làm sao thân cận chúng nó cho được? Chúng chẳng đi theo “*thường đạo*”, chẳng tu chánh pháp, đi theo ngã dị đoan, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

“*Thường đạo*” là gì? Dị đoan là gì? Phân biệt như thế nào? Chúng tôi nghĩ mọi người rất quan tâm chuyện này. Quý vị có thể phân biệt,

yêu ma quỷ quái dẫu nhiều, quý vị cũng đừng sợ chúng, vì sao? Quý vị nhận biết thì chúng chẳng thể gạt gắm quý vị; sợ là quý vị không nhận biết chúng! Cách phân biệt đơn giản nhất là: Hễ là chánh pháp, điều thứ nhất là phải dạy quý vị tin vào chính mình, chẳng tin tưởng nơi những sức mạnh quái đản, lạ lùng. Điều thứ nhất là phải tin tưởng chính mình, điều thứ hai là tin Phật; đây là lời Phật dạy. Nếu điều thứ nhất là phải tin thần, tin tưởng Phật rồi kể đó mới tin vào chính mình, đó chính là ma thuyết, là điên đảo. Phật và thần được đưa ra như là oai quyền bậc nhất thì là ngoại đạo. Chúng ta nhất định phải phân biệt điều này.

Tiếp đó, chánh pháp dạy quý vị là “*y pháp, bất y nhân*”. Pháp là gì? Kinh điển. Nhân là gì? Là người giảng, là người chú giải, ta chẳng nương theo. Chúng ta lấy kinh làm chủ, chúng ta nghiên cứu chú giải, dựa theo chú giải của cổ nhân. Chúng ta chẳng nương theo chú giải của người đời nay. Vì sao? Chẳng đáng tin cậy, chưa trải qua sự thử thách của lịch sử. Chẳng hạn như bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã được lưu truyền năm trăm năm; trong năm trăm năm ấy, bao nhiêu bậc cao minh đã xem qua, công nhận tác phẩm này chẳng có vấn đề, chúng ta có thể tin tưởng. Nếu trong ấy có khuyết điểm, nó đã sớm bị đào thải rồi! Vì thời ấy, thuật ấn loát chưa thuận tiện, cần phải chép tay. Bản khắc gỗ là phải khắc từng chữ một, rất tốn công sức. Nếu chẳng phải là thứ chân chánh, ai chịu bỏ tiền [khắc in]? Ai bằng lòng lưu thông thứ ấy? Do vậy, lịch sử làm chứng cho chúng ta, chứng minh những gì Ngài nói là chân thật, chẳng phải là hư vọng. Phàm những thứ gì càng lâu xa, càng đáng tin cậy; văn chương cũng giống như thế. Phàm những thứ được lưu truyền là những thứ tốt đẹp. Ví như Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên là những đại văn học gia đời Đường, một đời họ đã viết không biết bao nhiêu văn chương, những thứ hay nhất được lưu truyền, những thứ dở hơn đều bị bỏ đi. Vì sao? Không có ai muốn lưu thông. Do vậy, những thứ ấy càng cổ xưa càng chân thật, càng có giá trị. Vì thế, tôi khuyên các vị hãy bớt xem những thứ văn chương của người hiện thời.

Thật ra, văn chương Văn Ngôn không khó! Bí quyết để học Văn Ngôn là đọc tụng, phải đọc thường xuyên. Trước kia, trẻ nhỏ học thuộc lòng, có thể học thuộc năm mươi hay một trăm bài cổ văn, chương ngại văn tự sẽ chẳng còn nữa. Hiện tại, chúng ta có cần phải đọc Cổ Văn Quán Chỉ hay chẳng? Thưa quý vị, không cần! Quý vị niệm kinh này là được rồi. Thiên văn chương này của Liên Trì đại sư là một bài văn chương Văn Ngôn rất đơn giản, mà cũng là văn chương hay nhất. Quý vị đọc bộ sách này, đọc hằng ngày, đọc suốt ba năm, sẽ thông thạo văn

chương Văn Ngôn. Mỗi ngày đọc mấy đoạn, chẳng cần phải đọc những thứ khác. Không chỉ thông đạt văn chương Văn Ngôn, mà còn thông đạt kinh văn; một hành động không chỉ đạt được hai thứ, mà còn đạt nhiều thứ. Vì sao? Giáo, lý, hành, quả cũng đều có thể đạt được, có thể đắc nhất tâm là chứng quả. Đó là chánh pháp.

Tiếp đó, tà - chánh được phân biệt bởi cái tâm thanh tịnh. Phàm là chánh pháp, sẽ dạy quý vị bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng vậy, thường giữ cho cái tâm của chính mình thanh tịnh. Đó là chánh pháp. Nếu nó khiến cho cái tâm của quý vị loạn cào cào, đó là tà pháp, chẳng phải là chánh pháp. Chánh pháp nhất định lấy Thiền Định làm cương lĩnh. Nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn” thì “pháp” (法) là phương pháp, “môn” (門) là “môn kính” (門徑: đường lối). Phương pháp, mảnh khóc nhiều ngàn ấy đều nhằm tu Định. Nói cách khác, đều là tu tâm thanh tịnh. Phương pháp Niệm Phật này là một trong tám vạn bốn ngàn phương pháp, chúng ta dùng phương pháp này để tu tâm thanh tịnh. Nhất tâm bất loạn là Thiền Định, không chỉ là Thiền Định, mà còn là Thiền Định cao cấp, Thiền Định thượng thượng. Trong phần trước, tôi đã có nói: Thiền Định khó tu, khó thành! Phương pháp Niệm Phật thì được! Quả thật là có thể tu thành tựu. Công phu niệm Phật có ba đẳng cấp, công phu bước đầu là công phu thành phỉ, giai đoạn này chưa đắc Thiền Định, mà là Tương Tự Định. Niệm đến Sự nhất tâm bất loạn là Thiền Định, gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn là thượng thượng Thiền Định. Cùng một phương pháp, cảnh giới dần dần nâng cao lên, đó là chánh pháp. Nếu cách hành trì nào khiến cho tâm hoảng loạn, hoặc dấy lên hoài nghi, chẳng cần biết nó tốt đẹp như thế nào, đều là ma đến nhiễu loạn, quyết định chẳng thể nghe theo!

Mấy hôm rồi có đồng học đến hỏi tôi: Trong nhà thờ tượng Phật, tượng Bồ Tát, đặt ở vị trí ấy, có người đến nói với ông ta, như thế này cũng chẳng đúng, như thế kia cũng chẳng đúng. Rốt cuộc phải làm thế nào? Đó là ma đến nhiễu loạn. Thờ phụng tượng Phật, tượng Bồ Tát, bất luận là ai cũng chắc chắn là cát tường. Thế nhưng cách cúng dường như thế nào thì nhất định phải hiểu. Thờ Phật có hai ý nghĩa trọng yếu:

1) Thứ nhất là thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình phải có tâm cung kính, điều này rất trọng yếu. Tâm cung kính là biểu hiện của Tánh Đức. Trong khóa tụng, quý vị thường đọc “*nhất thiết cung kính*” (hết thầy cung kính), chúng ta đối với người, đối với sự, đối với vật có phải là chí thành, cung kính hay chẳng? Nếu chí thành, cung kính, người

ấy là Phật, là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đối với người, đối với vật, đối với sự đều chí thành, cung kính. Phàm phu khác với Phật, Bồ Tát; phàm phu đối với người, sự, vật chẳng cung kính. Chư Phật, Bồ Tát đối với người, sự, vật cung kính, quyết định là bình đẳng, thanh tịnh, chẳng có cao, thấp, chẳng có ta thích người này, ta cung kính họ một chút, hoặc người kia là bề trên, là thân thích của ta, ta cung kính họ một chút. Kể họ là oan gia đối đầu của ta, ta căm hận họ, ta còn cung kính họ hay sao? Đây là phàm phu! Phật, Bồ Tát không như vậy, Phật, Bồ Tát cung kính hết thảy, chẳng có phân biệt. Do vậy, chúng ta thờ tượng Phật là vì chúng ta cung kính Phật. Do cung kính Phật, bèn lập tức nghĩ: “Ta phải cung kính hết thảy chúng sanh, phải cung kính hết thảy vạn vật”. Chẳng riêng gì Phật pháp nói như thế, mà ngay cả pháp thế gian cũng nói như thế.

Căn bản pháp luân của Phật pháp là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm đến phần tổng kết cuối cùng là mười đại cương lãnh tu hành, tức mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Nguyện thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Đương nhiên chúng ta trông thấy chư Phật phải cung kính, nhưng thấy người khác chẳng phải là Phật thì quý vị đã sai rồi! Kinh dạy: “*Nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*” (Hết thảy chúng sanh vốn sẵn thành Phật). Do vậy, đối với mỗi một chúng sanh, quý vị đều phải cung kính giống như Phật. Đó là ý nghĩa thứ nhất trong việc thờ Phật, đó gọi là chân cúng dường. Có lẽ đâu thờ một bức tượng Phật chẳng đại cát, đại lợi?

2) Ý nghĩa thứ hai là báo ân. Phật là vị thầy bậc nhất của chúng ta. Chúng ta ngày nay có thể đạt lợi ích thù thắng nơi pháp, chúng ta đừng quên vị thầy căn bản. Do vậy, chúng ta thờ Phật, đừng nên coi Ngài như một vị thần, hãy coi Ngài như một vị thầy, giống như chúng ta thường thờ tổ tiên. Đây là truy ngược lại nguồn gốc để báo đáp. Vì vậy, thờ Phật có hai ý nghĩa hết sức trọng yếu.

Kể đó, trông thấy tượng Phật bèn hiểu chính mình cũng là Phật. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là cô phụ linh tánh của chính mình, chẳng xứng đáng với chính mình. Chúng ta chẳng suy nghĩ loạn xạ, sẽ là Phật. Chúng ta suy nghĩ tán loạn, bèn là phàm phu. Do vậy thành Phật hay thành phàm phu là do trong một niệm của chính mình. Chính mình chẳng khởi vọng tưởng thì là Phật, Bồ Tát. Thế nhưng chúng ta cũng rất muốn không khởi vọng tưởng, mà vọng tưởng cứ dấy lên mãi, không làm sao được! Đây là do chính mình có nghiệp chướng, tiêu trừ nghiệp chướng như thế nào? Đây cũng là một câu hỏi lớn. Có người muốn mau chóng tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị có cái

tâm ấy, có nguyện vọng ấy, có kẻ thừa cơ nói: “Ông hãy bỏ tiền cất cái miếu ấy, hoặc làm gì đó, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ”. Quý vị hãy nghĩ xem, bỏ hết tiền ra, nghiệp chướng có tiêu trừ hay không? Trong hết thấy cảnh giới, ta thật sự một niệm chẳng sanh thì nghiệp chướng tiêu trừ. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối vẫn khởi vọng tưởng, nghiệp chướng chẳng tiêu trừ! Chẳng những không tiêu trừ, mà quý vị còn thấy nó tăng thêm chẳng ít, vì sao? Muốn làm thêm chuyện tốt, làm công đức, làm công đức bèn lại có chướng ngại, lại có phiền bức! Chẳng phải là quý vị lại tăng thêm cả đồng vọng niệm ư? Do vậy, chẳng những nghiệp chướng không tiêu trừ, mà ngược lại còn tăng trưởng chẳng ít nghiệp chướng; đây cũng là ma đến nhiễu loạn.

Phật pháp dạy quý vị bố thí, bố thí là gì? Là vứt bỏ vọng niệm của chính mình. Quý vị có tiền, tiền là chướng ngại, vì sao? Có tiền bỏ vào ngân hàng lại sợ lợi tức ít, bỏ vào chỗ có tiền lời cao thì sợ chỗ đó sập tiệm, tâm quý vị bất an, vọng niệm nhiều quá, đây là chướng ngại! Quý vị bỏ sạch hết tiền, chẳng cần đến nữa, thứ gì cũng đều bỏ, trong tâm chẳng có vướng mắc gì, đạo lý là như vậy đó. Bảo quý vị làm chuyện tốt, vẫn nghĩ ngợi: “Ta làm bao nhiêu công đức, ta làm bao nhiêu chuyện tốt”, đây là trên chướng ngại chồng thêm chướng ngại, nghiệp chướng không tiêu được! Tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn chính là hiện tượng nghiệp chướng tiêu trừ. Tâm mỗi ngày một phiền não hơn, tức là nghiệp chướng tăng thêm. Hiểu nguyên lý và nguyên tắc, sẽ dễ dàng phân biệt Phật và ma. Có tiền quả thật sẽ khởi vọng tưởng thì bố thí vẫn là tốt đẹp hơn. Đây là sự thật, chẳng giả tí nào!

(Diễn) Tứ giáo các hữu nội ngoại phàm.

(演) 四教各有内外凡。

(Diễn: Trong bốn giáo, mỗi giáo đều có nội phàm và ngoại phàm).

“*Tứ giáo*” là Tạng, Thông, Biệt, Viên, Thiên Thai đại sư nói như vậy. Nói đến phàm phu thì có nội phàm và ngoại phàm. Ngoại phàm giống như chúng ta hiện thời là ngoại phàm. Chữ “*nội phàm*” chỉ những ai? Phàm những ai chưa kiến tánh, nhưng đã đắc Thiên Định thì gọi là “*nội phàm*”, như A La Hán, Quyền Giáo Bồ Tát đều được coi là nội phàm. Đã kiến tánh thì mới là Bồ Tát thật sự. Lấy công phu Niệm Phật để nói, công phu thành phỉn là nội phàm, công phu chưa thành phỉn là

ngoại phạm. Lý nhất tâm bất loạn mới gọi là thánh nhân, chẳng phải là phạm phu. Như vậy là công phu có nhiều tầng lớp.

(Diễn) Nhược nữ vị thông tứ giáo, bác địa phạm ngu, danh hạ phạm dã.

(演) 若乃未通四教，博地凡愚，名下凡也。

(Diễn: Nếu chưa thông hiểu tứ giáo, là hạng phạm ngu sát đất thì gọi là “hạ phạm”).

Đây là Liên Trì đại sư khiêm hu! Giống như trình độ của chúng ta trong hiện thời quả thật là phạm phu, là “hạ phạm” danh đúng với thật. [Liên Trì đại sư tự nhận là] hạ phạm mà có thể viết ra một bộ chú giải như thế này, quá khiêm hu, quá khách sáo, Ngài tuyệt đối chẳng phải là hạ phạm. Dưới đây, Ngài khách sáo mấy câu như “*cùng tu văn học*” (kiến giải hết sức lệch lạc, học muộn), xin xem chú giải.

(Sớ) Cùng tu văn học.

(Diễn) Tuu giả, thiên ngưng giả, cùng, cực dã.

(疏) 窮陬晚學。

(演) 陬者，偏隅也。窮，極也。

(Sớ: Kiến giải lệch lạc tột cùng, học Phật muộn màng.

Diễn: “Tuu” là lệch về một góc, “cùng” là tột bậc).

Có ý nghĩa như thế này: Kiến giải của chính mình chẳng viên mãn, kiến thức rất nông cạn, sai sót, thiếu học vấn, thiếu tu trì, thiếu đức hạnh. [Những điều này] đều là [Liên Trì đại sư] nói khách sáo.

(Diễn) Thử phương tại Diêm Phù Đề chi cực Đông, cố danh Chấn Đán quốc.

(演) 此方在閻浮提之極東，故名震旦國。

(Diễn: Phương này ở phía cực Đông của châu Diêm Phù Đề, nên gọi là nước Chấn Đán).

Thời đại của Liên Trì đại sư, [người ta] còn chưa biết trái đất hình tròn, nhưng người chân chánh học Phật đều biết, nhưng không nói. Nói

ra sẽ chuốc lấy phiền phức, vì sao? Mọi người không tin! Vì sao người học Phật biết? Vì trong Phật pháp nói tới mười phương thế giới, nói Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới. Trong mười phương đã có thế giới thì đương nhiên là chúng ta ở giữa hư không. Nếu chẳng ở giữa hư không, làm sao có mười phương thế giới? Vì vậy, đức Phật đã sớm nói rõ, nhưng không nói rõ rệt, người thông minh nghe nói sẽ nhận biết. Chữ “*Diêm Phù Đề*” (Jambudvīpa) chỉ quả địa cầu của chúng ta. Do [Trung Hoa] ở phương Đông, nên gọi là Chấn Đán. Phương Đông là Chân [trong Bát Quái]. Mặt trời mọc từ phương Đông; do vậy, trong quá khứ, người Tây Vực gọi Trung Quốc là Chấn Đán (Cīnasthāna).

(Diễn) Đại sư nhất sanh tự cư học địa, bất cảm dĩ tiên bối tự xử, cố xưng văn học.

(演)大師一生自居學地，不敢以先輩自處，故稱晚學

(Diễn: Đại sư cả đời tự coi mình thuộc địa vị học trò, chẳng dám tự xưng là người thuộc lớp trước [so với người khác], vì thế xưng là kẻ học sau).

Xưng “*văn học*” là nói khiêm hư, “*học địa*” là học sinh. Suốt đời, Ngài tự coi mình là đứa học trò mới học, trọn chẳng dám dùng thân phận thầy giáo đối với người khác. Do vậy, xưng là “*văn học*”. “*Đại sư*”: Trong nhà Phật gọi đức Phật là đại sư, Bồ Tát cũng chẳng thể gọi [là đại sư]. Bồ Tát được gọi là “*đại sĩ*” như Quán Âm đại sĩ. Hiện thời, các pháp sư xưng là đại sư, hết sức thiếu khiêm hư. Liên Trì đại sư tự xưng là “*hạ phàm*”, hoặc xưng là “*văn học*”. Cổ đại đức thật sự tu hành chứng quả, xưng là “*đại sĩ*”; tại gia cư sĩ cũng có thể xưng như vậy, như Phó đại sĩ. Đối với người thế gian, có học văn thế gian, giống như họa sĩ, nhạc sĩ, người ta gọi họ là “*đại sư*” thì được. Đó là cách xưng hô trong thế gian, chẳng phải trong cửa Phật. Phàm là đối với pháp sư trong Phật môn, đối với cư sĩ đã chính thức quy y Tam Bảo, chẳng thể xưng là “*đại sư*”. “*Khai sĩ*” là người đã khai ngộ, đây là tiếng xưng hô bậc Bồ Tát. “*Đại sĩ*” dịch từ chữ Ma Ha Tát, Đại Bồ Tát được gọi là “*đại sĩ*”, là bậc Bồ Tát đã đăng địa (chứng từ Sơ Địa trở lên). Các vị pháp sư dịch kinh trải các đời ở Trung Quốc được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, chẳng gọi là

đại sư. Do vậy, người xuất gia chẳng thể xưng là đại sư, đó là tiếm việt (lấn lướt, quá phận).

Trong Thiên Tông xưng là “*thiền sư*”. Thầy của các vị đế vương thời cổ gọi là “*quốc sư*”, đều chẳng thể xưng là “*đại sư*”, chỉ có tổ sư Tịnh Độ Tông có thể xưng là “*đại sư*”, điều này rất đặc biệt. Vì sao? Quý vị phải hiểu: “*Đại sư*” là Phật, nếu quý vị gặp được “*đại sư*”, đời này nhất định chứng quả, nhất định thành tựu. Nói cách khác, nếu quý vị gặp được tổ sư Tịnh Độ Tông, mà có thể tin nhận, phụng hành, đời này nhất định vãng sanh thế giới Tây Phương. Vãng sanh thế giới Tây Phương là thành Phật, vị ấy có thể xưng là “*đại sư*”, chẳng khác gì Phật. Do vậy, tổ sư Tịnh Độ Tông được gọi là “*đại sư*”.

Tổ sư Tịnh Độ Tông do đâu mà có? Chẳng phải là đời này truyền cho đời kia như Thiên Tông Trung Quốc, Đạt Ma tổ sư là đời thứ nhất, Huệ Khả là đời thứ hai. Họ có sư thừa (thầy truyền cho trò), từ đời này truyền xuống cho đời kia. Tịnh Độ Tông không có, tổ sư Tịnh Độ Tông là do “*dân tuyển*”, chẳng phải là thế tập. Cả đời vị ấy tu hành hoằng hóa, có công lao thù thắng đối với Tịnh Độ được mọi người công nhận. Do vậy, Ngài chẳng phải là kế thừa một cá nhân nào! Nếu đời nào không có người như vậy, đời ấy không có [tổ sư Tịnh Độ Tông]. Ví như vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông và vị tổ sư thứ hai cách nhau mấy trăm năm, trong mấy trăm năm không có ai. Vị tổ sư đời thứ nhất là ngài Huệ Viễn triều Tấn, Ngài là người đề xướng pháp môn Niệm Phật đầu tiên, kiến lập liên xã tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Thuở ấy, những người cùng niệm Phật với Ngài gồm một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều vãng sanh, là một trang thù thắng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Vị tổ sư đời thứ hai là Thiện Đạo đại sư đời Đường, trong mấy trăm năm không có người thứ hai giống như vậy xuất hiện. Cận đại có Ấn Quang đại sư, mọi người công nhận Ngài là tổ sư đời thứ mười ba của Tịnh Độ Tông, do vậy, Ngài được tôn xưng là đại sư. Ở đây nói: “*Đại sư suốt đời coi mình thuộc địa vị học trò*”, đối với vị tổ sư một đời của Tịnh Độ Tông có thể gọi là “*đại sư*”, chứ đối với những người khác chẳng thích hợp cho lắm. Đây cũng là điều mọi người chúng ta nên biết.

(Tự) Vãng thông huyền lý, tố bỉ không đàm, họa bình hà ích cơ trường, Yên thạch nan vu cổ mục.

(序)罔通玄理，素鄙空談，畫餅何益饑腸，燕石難誣賈目。

(Tựa: Chẳng thông lý diệu huyền, trọn vẹn bàn suông, bán vẽ ích gì cho bụng đói, đá non Yên khó lừa mắt lái buôn [sành sỏi]).

Những điều này đều có điển cố.

(Diễn) Vỡ thông huyền lý, vị vị năng thật khế diệu tâm.

(演) 罔通玄理，謂未能實契妙心。

(Diễn: “Chẳng thông lý huyền diệu”, ý nói: Chưa thể thật sự khế hợp diệu tâm).

“Vỡ thông” là chưa thông. “Huyền lý” là những lý huyền diệu sâu xa nhất trong Phật pháp. “Diệu tâm” là chân tâm, mà cũng là nhất tâm bất loạn như kinh này chủ trương, [Liên Trì đại sư] đặc biệt nói: Chưa thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, chưa chứng đắc! Ngài có phải là chứng đắc hay không, hay chỉ khiêm hư nói chưa chứng đắc? Điều này rất khó nói! Nói nghiêm ngặt, chưa thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ không thể viết ra bộ chú giải này. Do vậy, những lời nói này vẫn là lời lẽ khiêm hư, khách sáo.

(Diễn) Không đàm, tức y thông Thiền khách, văn tự học nhân, thính kỳ ngôn dã, siêu hiện thánh chi tiền. Kê kỳ hành dã, lạc phạm dung chi hậu. Tố bỉ, vị bình tố tự bỉ.

(演) 空談，即依通禪客，文字學人。聽其言也，超賢聖之前；稽其行也，落凡庸之後。素鄙，謂平素自鄙。

(Diễn: “Nói suông”: Tức là giống như những kẻ thông hiểu Thiền, những người học thông hiểu văn tự, nghe lời họ nói [cảm thấy] vượt trội bậc hiện thánh. Xét đến những gì họ làm, thua cả hạng phạm phu tầm thường! “Tố bỉ” nghĩa là tự khinh mình tầm thường).

Ngài tự mình chẳng chịu bàn suông, đó là tự khinh mình, chứ không phải là khinh thường người khác. [Những điều được nói ở đây] cũng là hiện tượng thường thấy trong thời kỳ Mạt Pháp, tức là: Phật pháp ngoài cửa miệng; nói được, nhưng không làm được! Họ rất biết nói, đương nhiên những gì họ nói là cái học do hỏi han, ghi nhớ mà ra. Họ đọc nhiều, nghe nhiều, cũng thường hỏi người khác, [nên gọi] là “kỷ vấn chi học” (học thức có được do ghi nhớ và thưa hỏi), chẳng phải là

cảnh giới do chính mình đích thân chứng được. Đây gọi là “không đàm” (bàn suông). Phật pháp quý nhất là thực chứng, nghĩa là tự mình thật sự chứng đắc. Nói “*chứng đắc*” thì “*đắc*” là gì? Tâm Kinh nói: “*Vô trí, diệt vô đắc*” (không trí mà cũng chẳng đắc), đây gọi là “*chứng đắc*”. Chứng đắc gì? Chứng đắc “*vô trí, diệt vô đắc*”. Nếu quý vị có trí, có đắc, sẽ là chướng ngại. Lục Tổ nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần*”, đây là nói về chân tâm. Chân tâm là nhất tâm, trong nhất tâm thứ gì cũng không có. Nếu có trí, có một vật, lại có đắc, tức là lại có thêm một vật nữa, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Khi nào, bản thân quý vị đạt đến “*vốn chẳng có một vật*”, sẽ thật sự chứng đắc. Ở đây gọi [cảnh giới ấy] là “*thật khế diệu tâm*”, “*thật*” (實) là chân thật, “*khế*” (契) là khế hợp. “*Diệu tâm*” là chân tâm, quả thật “*vốn chẳng có một vật*”.

Khi Lục Tổ chứng đạo, nói ra cảnh giới của chính mình: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh*”. Tự tánh là tự tâm, bản tâm của chính mình là thanh tịnh. Hiện tại nó chẳng thanh tịnh là do chính mình gây ra, chẳng phải là người khác gây nên. Quý vị vốn chẳng có vọng niệm, hằng ngày tự mình khởi vọng tưởng, vậy thì còn có cách nào nữa đây? Chuyện ấy Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp quý vị được, vì quý vị tự mình sanh vọng tưởng. Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta bằng cách nói cho chúng ta biết rõ ràng những nguyên tác và nguyên lý, khiến cho chúng ta tự mình giác ngộ. Tâm ta vốn sẵn thanh tịnh, hóa thành suốt ngày tưởng Đông nghĩ Tây; cái suy tưởng ấy quả thật là vọng tưởng, vì quý vị nghĩ xem: Chẳng có thứ gì là chân thật, đều là giả. Vì sao biết chúng là giả? Vì cái tâm có thể suy tưởng ấy là giả, là pháp sanh diệt; niệm này sanh, niệm kia diệt. Kinh Kim Cang giảng về vọng tâm, bảo “*tam tâm bất khả đắc*”, quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Quý vị còn có suy tưởng gì nữa? Nếu “*tưởng*” là thật thì có thể tưởng, Phật cũng sẽ chủ trương, cũng bảo quý vị tưởng. Tưởng là giả, chẳng thật!

Chân tâm ly niệm, chân tâm không có niệm. Niệm mà không có niệm được gọi là “*chánh niệm*”. Niệm mà có niệm thì gọi là “*vọng niệm*”, hoặc “*vọng tưởng*”. Ngàn kinh vạn luận nói tới đạo lý này, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều nhằm khôi phục cái tâm thanh tịnh của chính mình. Phật pháp là như thế mà thôi! Do vậy, Phật pháp chẳng gạt người, Phật pháp câu nào cũng đều là chân thật. Lại thưa cùng quý vị, hết thầy tai nạn của chúng ta đều do vọng tưởng sanh ra. Nếu tâm địa thanh tịnh, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Tâm thanh tịnh là tâm cát tường

nhất. Trong tâm thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ, tâm thanh tịnh có thể sanh ra vạn pháp. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta khôi phục tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Phật pháp. Tâm thanh tịnh là Vô Thượng Bồ Đề, Phật pháp thường gọi nó là “*huyền lý*”. Phàm những kẻ có cái học thức “*ký vấn*” thì chẳng phải là học thức thật sự, vì nó chẳng lưu lộ từ tâm thanh tịnh!

Do điều này, học Phật nhất định phải có thiện xảo. Chẳng biết thiện xảo thì sao? Quý vị mỗi ngày đọc kinh, mỗi ngày nghe kinh, chẳng thể khai trí huệ! Quý vị đạt được một chút trí huệ cũng là cái học “*ký vấn*”, chẳng phải là trí huệ thật sự. Chẳng những không thể khai trí huệ, mà ngược lại còn hằng ngày tăng trưởng Sở Tri Chương, phiền phức to! Người biết nghe phải nghe như thế nào? Nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, quý vị sẽ khai trí huệ, ở đây gọi là “*thật khéo diệu tâm*”. Đây chính là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*”. “*Chẳng giữ lấy tướng*” chẳng phải là không cần tướng. Chẳng hạn như nay chúng ta đối trước kinh bản, đó là tướng, tôi nói ở đây, quý vị nghe tại nơi ấy, đó là tướng. Đó là tướng tiếp xúc, tiếp xúc như thế nào? Chẳng chấp trước. Tôi đọc kinh, chẳng chấp tướng văn tự; tôi nghe giảng, chẳng chấp tướng ngôn thuyết. Trong tâm chẳng khởi vọng tướng, ý niệm gì cũng chẳng có. [Nếu khởi lên ý nghĩ]: “*Đoạn này giảng khá quá, đoạn kia giảng rất hay*”, như vậy là hồng bết, quý vị chấp vào tướng mất rồi!

Chẳng chấp trước, quý vị có công phu ấy, bất luận người nào giảng kinh đều có thể nghe được, vì sao? Giảng rất hay, chẳng chấp tướng hay. Giảng thật tẻ, chẳng chấp tướng tẻ. Nói chung, chẳng chấp tướng sẽ là khéo nghe, là thật sự nghe. Trong cảnh giới này, quý vị rèn luyện điều gì? Rèn luyện nhất tâm bất loạn, đó là công phu thật sự. Do vậy, quý vị nghe xong, có khi hoát nhiên khai ngộ, ắt phải nghe như vậy thì mới có thể hoát nhiên khai ngộ. Nếu quý vị nghe xong, gật đầu: “*Khá lắm! Hay quá!*” Quý vị vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ, quý vị là phàm phu, chẳng biết nghe. Người thật sự biết nghe cao minh lắm! Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta ba nguyên tắc: Chẳng chấp tướng ngôn thuyết, chẳng chấp tướng văn tự, chẳng chấp tướng tâm duyên. “*Tâm duyên*” là trong tâm suy tưởng, trong tâm khởi ý niệm. Chẳng khởi ý niệm là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Đó gọi là tu hành chân chánh, là dụng công chân chánh.

Nếu quý vị học được phương pháp này, chẳng những trong giảng đường nghe kinh là như vậy, mà quý vị đãi người, tiếp vật, trong hết thầy công việc đều như vậy. Chuyện gì cũng làm viên mãn, trong tâm thanh tịnh. Đó là sự nghiệp của Bồ Tát, chứ chẳng phải là bảo quý vị chuyện gì cũng đều chẳng làm, mà là chuyện gì cũng đều làm, nhưng thứ gì cũng thanh tịnh, thứ gì cũng chẳng chấp trước. Do vậy, Phật pháp chẳng lìa pháp thế gian. Pháp thế gian chính là Phật pháp. Trong Phật pháp và pháp thế gian, không có giới hạn. Hễ mê thì hết thầy gọi là pháp thế gian, vì sao? Đọa trong thế gian. Thế gian là mười pháp giới, có quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó là Thế. Có hết thầy giới hạn, đó là Giới. Vì sao? Khởi tâm động niệm thì hết thầy pháp đều là pháp thế gian. Nếu thật sự có thể “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, hết thầy pháp đều gọi là pháp xuất thế gian, không có một pháp nào là pháp thế gian. Do đây có thể biết: Thế gian và xuất thế gian cũng là do một niệm của chúng ta mê hay ngộ mà thôi! Hễ mê thì xuất thế gian biến thành thế gian, ngộ rồi, thế gian biến thành xuất thế gian.

Lại thưa với quý vị, hễ ngộ thì xuất thế gian cũng chẳng có. Pháp thế gian không có, xuất thế gian còn do đâu mà có nữa đây? Thế gian và xuất thế gian là hai pháp; hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Trong Đản Kinh, sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ: “Ngũ Tổ có giảng Thiên Định, giải thoát hay chẳng?” Lục Tổ trả lời: “*Thiên Định, giải thoát là hai pháp; hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp Bất Nhị*”. Quý vị hãy khéo suy nghĩ đạo lý này rồi mới đọc bản kinh này, sẽ thấy thú vị. Đọc rồi sẽ khai ngộ. Quý vị đọc hiểu thì rất tốt! Đọc không hiểu, cũng chẳng sao! Không hiểu, chẳng cần phải mong hiểu! Vì quý vị suy tưởng, sẽ rớt vào vọng niệm, khởi vọng tưởng, đây là vì quý vị có chướng ngại. Nếu không có chướng ngại, vừa đọc sẽ tự nhiên hiểu rõ, chẳng cần phải suy tưởng mới hiểu rõ. Đó là Ngộ. Do vậy, hễ ngộ thì hằng ngày đều có ngộ xứ; quý vị không suy tưởng mà vẫn hiểu rõ chuyện này, đó là ngộ xứ.

Làm thế nào để khai ngộ? Tâm càng thanh tịnh thì càng có thể khai ngộ. Tâm càng thanh tịnh thì phạm vi ngộ càng rộng lớn. Hễ chưa thể khai ngộ, đều là do vọng niệm quá nhiều, phiền não quá nặng. Phiền não và vọng tưởng đều là giả, trong chân tâm không có những thứ này. Chuyện này đã được giảng hết sức thấu triệt trong kinh Lăng Nghiêm, đặc biệt là trong đoạn kinh văn “*thập phiên hiển Kiến*” (mười phen chỉ rõ cái Thấy). Tánh Thấy là chân tâm, tánh Thấy là bất sanh bất diệt. Tánh Thấy vốn sẵn thanh tịnh, quyết định chẳng dính dáng tới vọng tưởng, phiền não! Điều này chứng minh trong chân tâm không có phiền

não, chẳng có vọng niệm. Vọng niệm và phiền não đều từ vô minh sanh khởi, vô minh là mê hoặc, [vọng niệm và phiền não] từ mê hoặc biến hiện ra. Bản thân của mê là không thật, là hư vọng.

Chúng ta tự mình tu hành, công phu phải thực tiễn. Tôi lại thưa cùng quý vị, chân chánh vận dụng công phu thì công phu chẳng ở nơi hình thức. Tôi mỗi ngày đối trước tượng Phật, niệm mấy quyển kinh, lần bao nhiêu chuỗi, lạy bao nhiêu lạy, đó gọi là “công khóa”, vẫn là hình thức. Tương ứng với cái tâm thanh tịnh của chính mình, đó là công phu. Nếu chẳng tương ứng với cái tâm thanh tịnh của chính mình, chẳng phải là công phu. Dẫu cho quý vị mới nửa đêm, ba giờ sáng đã dậy tụng khóa sáng, mà suốt ngày từ sáng đến tối vẫn khởi vọng tưởng, vẫn lo tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn ở trong ngũ dục, lục trần, thì là kẻ “hạ phạm” danh phù hợp thật, ngay cả danh xưng “*văn học*” cũng chẳng xứng! Bởi vậy, công phu chẳng ở nơi hình thức, mà là niệm niệm giác chứ không mê, niệm niệm chánh chứ không tà, niệm niệm tịnh chứ chẳng nhiễm. Từ xưa đến nay, không ít bậc đại đức thực hiện công phu gì vậy? Quý vị thấy trong Thiền Tông Tập, thiền sư Vĩnh Gia đã nói: Phương pháp tu hành của Ngài là “*cơ lai ngật phạn, khôn lai miên*” (đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ). Bụng đói bèn ăn cơm, buồn ngủ thì đi ngủ, tuyệt vời! Công phu của Ngài chẳng chấp vào hình tích, đó là công phu chân chánh, là công phu chân thật, chẳng ở nơi hình thức.

Công phu hình thức được đại chúng trong tự viện cùng nhau thực hiện. Quý vị ở nhà, cả nhà đều học Phật, hoặc người nhà chẳng phản đối học Phật, quý vị có thể áp dụng nghi thức. Nếu trong nhà có người chẳng tin Phật, có người tin Cơ Đốc Giáo, nếu quý vị làm chuyện ấy, trong tâm họ khó chịu. Nếu họ hủy báng, gây khó dễ cho quý vị, khiến quý vị sanh phiền não, đó là sự tu hành của chính mình có chướng ngại. Do vậy, chúng ta nhất định phải hiểu nguyên tắc và nguyên lý của Phật pháp, hiểu trong tình hình nào nên dùng cách tu như thế nào? Có thể tự lợi, lợi tha, đây là phương pháp tu hành tốt nhất. Tự lợi là nhất định chẳng trở ngại cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm ta ngày một thanh tịnh hơn, đó là tự lợi. Đồng thời lại có thể ảnh hưởng người khác, đó là lợi tha. Đối với nghi thức tụng niệm sáng tối của người tại gia, càng đơn giản càng hay, hãy chiếu theo cách tu trong cuốn Tây Phương Xác Chí: Tụng một biến kinh Di Đà, bảy biến Vãng Sanh Chú, niệm một ngàn câu Phật hiệu, sau khi niệm xong bèn lễ Phật, cách ấy tốt lắm. Cách ấy cũng phải có phước báo, không bị chướng ngại thì mới làm được! Nếu có chướng ngại thì mức thấp nhất là cách Thập Niệm sáng tối. Đó là gọi là “*định*”

khóa” (công khóa cố định). Trừ định khóa ra, tán khóa cũng rất quan trọng. “Tán khóa” chính là bất luận lúc nào, bất kể ở đâu, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn.

Phật hiệu nhằm đánh thức giác tâm của chúng ta. Một câu Nam-mô A Di Đà Phật có nghĩa như sau: Nam-mô là quy y, A là vô, Di Đà là lượng, Phật là giác. Dịch toàn bộ [Phật hiệu] sang nghĩa tiếng Hán là Quy y Vô Lượng Giác. Quy (皈) là quay đầu lại, chúng ta từ mê hoặc, điên đảo quay đầu lại, nương vào Giác. Khởi vọng tưởng là mê hoặc, điên đảo; quay đầu trở lại, ta không khởi vọng tưởng nữa, niệm Nam-mô A Di Đà Phật, từ tà tri kiến mà quay đầu lại. Phàm là tri kiến thì đều là tà tri kiến, vì sao? Trong chân tâm không có tri kiến, cho nên nói: “*Vô tri, diệc vô đắc*”. Bát Nhã vô tri mà! Quý vị đọc kinh Đại Bát Nhã, Bát Nhã là gì? Bát Nhã vô tri, trong tâm thanh tịnh một niệm chẳng sanh, vô tri mà! Khi khởi tác dụng thì không gì chẳng biết. Ví như cái chuông, chuông chẳng vang ra tiếng, quý vị vừa gõ nó liền ngân vang, gõ mạnh bèn kêu to, gõ nhẹ sẽ kêu nhỏ. Khi quý vị gõ, nó chẳng động tâm: “Ông gõ tôi, tôi nên ngay lập tức ngân vang”, nó không có ý niệm ấy. Chân tâm của chúng ta cũng giống như thế! Do vậy, chân tâm không có niệm, chân tâm không có “tri”, nhưng khi khởi tác dụng thì không gì chẳng biết. Trong tâm quý vị “có tri” là hổng rồi, như vậy là quý vị có cái chẳng biết. Do vậy, quý vị muốn cầu trí huệ, thì phải cầu gì? Cầu vô tri. Quý vị tính học cái này, tính học cái kia, càng học nhiều, càng rối ren, vì sao? Giống như cái chuông nhét chặt cứng thì gõ cách nào nó cũng chẳng ngân!

Do vậy, tâm phải thanh tịnh, phải rỗng rang, rỗng rang thì mới linh, linh giác đầy! Hễ thấy liền biết, hễ nghe liền biết. Đó là “không gì chẳng biết”, trí huệ thật sự. Đó là tác dụng của tự tánh thanh tịnh tâm. Trí huệ của Phật, Bồ Tát và cổ thánh tiên hiền đều là như vậy. Nói đến chỗ này, Liên Trì đại sư tự mình quả thật đã đạt đến chân tu thực tiễn, vì những điều [được nêu ra] trong bản chú giải này đều là cảnh giới Hiện Lượng lưu lộ từ tự tánh thanh tịnh tâm của chính Ngài, tuyệt đối chẳng phải là bàn suông! Ngài nói câu nào cũng đều là chân thật. Hôm nay đã hết giờ rồi!